

Bản án số: 96/2024/HN-ST

Ngày: 10-6-2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Thành Đồng

Ông Trương Văn Phúc

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST –HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979; địa chỉ: số 148, ấp M1, xã L, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh B vào ngày 23/3/2005. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất hoà. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mặc dù hai bên cũng có tạo điều kiện hoà giải nhưng do chị bị tổn thương quá

nhiều nên không thể hàn gắn. Hiện hai bên không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh H1. Con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/8/2000 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

** Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Thị H vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt không lý do

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, không vi phạm quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia các phiên họp, hoà giải, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án vẫn được tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Cụ thể:

- + Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.
- + Về con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/8/2000 đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- + Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: chị H trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H1 mặc dù đã được triệu

tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh B vào ngày 23/3/2005 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị H cho rằng trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mặc dù hai bên có tạo điều kiện hoà giải nhưng do tình cảm bị tổn thương nên không thể hàn gắn. Hiện hai bên không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh H1 và yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh H1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia các phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Qua đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/8/2000 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: chị H trình bày không có.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2/- Con chung: Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28/8/2000 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3/- Tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/- Nợ chung: chị H trình bày không có.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004874 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA huyện;
- UBND xã L,
(G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

